

TÓM TẮT QUY TẮC, ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TOÀN DIỆN

PHÚC BẢO AN TRƯỜNG THỊNH 2.0

Sản Phẩm Bảo Hiểm Liên kết chung Toàn diện – Phúc Bảo An Trường Thịnh 2.0 là sản phẩm bảo hiểm nhân thọ do Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Fubon Việt Nam (“Công ty”) cung cấp. Quý khách vui lòng đọc kỹ Quy tắc Điều khoản sản phẩm bảo hiểm (QTĐK) trước khi tham gia bảo hiểm và lưu ý các nội dung quan trọng trong quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm được tóm tắt trong tài liệu này.

"Thời hạn bảo hiểm" Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm này là khoảng thời gian tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 99 tuổi.

"Thời hạn đóng phí" bằng thời hạn bảo hiểm.

- Thời hạn đóng phí bắt buộc: ba (03) năm hợp đồng đầu tiên.
- Từ năm hợp đồng thứ tư (04) trở đi, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bất cứ thời điểm nào trong năm. Bên mua bảo hiểm có thể tăng/giảm/tạm ngưng đóng phí bảo hiểm tùy theo nhu cầu và khả năng tài chính.

LƯU Ý: Việc giảm/tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm có thể bị mất hiệu lực.

I. QUYỀN LỢI SẢN PHẨM	Quy định tại QTĐK
A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
1. Quyền lợi tử vong: tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm: - Đối với Quyền lợi bảo hiểm cơ bản: bằng số tiền nào lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm hoặc Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). - Đối với Quyền lợi bảo hiểm nâng cao: bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị tài khoản hợp đồng.	Điều 5.1
2. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn: tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm: - Đối với Quyền lợi bảo hiểm cơ bản: bằng số tiền nào lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm hoặc Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). - Đối với Quyền lợi bảo hiểm nâng cao: bằng Số tiền bảo hiểm cộng với Giá trị tài khoản hợp đồng.	Điều 5.2

B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ													
3. Quyền lợi Đáo hạn hợp đồng Vào ngày Đáo hạn hợp đồng, nếu hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi đáo hạn là toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng.	Điều 5.3												
4. Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng Trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, nếu Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản tới thời điểm xem xét của năm (05) năm hợp đồng đầu tiên và mỗi năm (05) năm sau đó, Công ty sẽ chi trả quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng vào cuối mỗi năm (05) năm hợp đồng theo tỷ lệ như sau: <table><tr><th>Năm hợp đồng</th><th>Tỷ lệ (% GTTK cơ bản trung bình của 05 năm trước đó)</th></tr><tr><td>Năm thứ 5</td><td>5%</td></tr><tr><td>Năm thứ 10</td><td>5%</td></tr><tr><td>Năm thứ 15</td><td>5%</td></tr><tr><td>Năm thứ 20</td><td>10%</td></tr><tr><td>mỗi 5 năm từ Năm thứ 25 trở đi</td><td>2%</td></tr></table> Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng được tự động trả vào giá trị tài khoản cơ bản.	Năm hợp đồng	Tỷ lệ (% GTTK cơ bản trung bình của 05 năm trước đó)	Năm thứ 5	5%	Năm thứ 10	5%	Năm thứ 15	5%	Năm thứ 20	10%	mỗi 5 năm từ Năm thứ 25 trở đi	2%	Điều 5.4
Năm hợp đồng	Tỷ lệ (% GTTK cơ bản trung bình của 05 năm trước đó)												
Năm thứ 5	5%												
Năm thứ 10	5%												
Năm thứ 15	5%												
Năm thứ 20	10%												
mỗi 5 năm từ Năm thứ 25 trở đi	2%												
5. Quyền lợi nhận lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố của Công ty. Sau khi kết thúc mỗi năm tài chính: nếu Lãi suất đã công bố thấp hơn tỷ suất đầu tư thực tế, Công ty sẽ chi trả khoản tiền chênh lệch của năm tài chính đó sau khi trừ chi phí liên quan; nếu Lãi suất đã công bố cao hơn tỷ suất đầu tư thực tế, Giá trị tài khoản hợp đồng vẫn được tính lãi theo mức Lãi suất công bố đã được áp dụng. Mức lãi suất áp dụng để tính lãi vào Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ không thấp hơn lãi suất đầu tư tối thiểu được Công ty cam kết như sau: <table><tr><th>Năm hợp đồng</th><th>Lãi suất cam kết tối thiểu</th></tr><tr><td>Năm thứ 1</td><td>5.0%</td></tr><tr><td>Năm thứ 2</td><td>4.5%</td></tr><tr><td>Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5</td><td>4.0%</td></tr><tr><td>Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10</td><td>3.0%</td></tr><tr><td>Từ năm thứ 11 trở đi</td><td>2.0%</td></tr></table>	Năm hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu	Năm thứ 1	5.0%	Năm thứ 2	4.5%	Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	4.0%	Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10	3.0%	Từ năm thứ 11 trở đi	2.0%	Điều 5.5
Năm hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu												
Năm thứ 1	5.0%												
Năm thứ 2	4.5%												
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	4.0%												
Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10	3.0%												
Từ năm thứ 11 trở đi	2.0%												

6. Quyền lợi đảm bảo gia tăng số tiền bảo hiểm Kể từ Năm hợp đồng thứ hai (02) và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt sáu mươi lăm (65) tuổi, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thăm định sức khỏe của Người được bảo hiểm trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày Người được bảo hiểm kết hôn hoặc có con mới sinh. Số tiền bảo hiểm gia tăng và số lần yêu cầu gia tăng không vượt quá giới hạn tối đa được quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm.	Điều 5.6
II. MỘT SỐ QUYỀN KHÁC CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
1. Thời gian cân nhắc Trong vòng hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm nhận được Hợp đồng bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo đến Công ty, trả lại Hợp đồng bảo hiểm và hoàn trả các quyền lợi bảo hiểm đã nhận (nếu có). Công ty sẽ hoàn trả lại phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi) sau khi trừ đi các chi phí kiểm tra y tế và (các) khoản rút tiền từ giá trị tài khoản hợp đồng (nếu có). Trong trường hợp này, Công ty không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.	Điều 4
2. Chấm dứt Hợp đồng trước hạn Bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm vào bất kỳ thời điểm nào trong thời gian hiệu lực của hợp đồng và nhận được Giá trị hoàn lại (nếu có) sau khi trừ đi các khoản nợ (nếu có). Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.	Điều 1.30 Điều 9.5 Điều 19.1.8
3. Rút tiền từ giá trị tài khoản hợp đồng	Điều 10
4. Thay đổi số tiền bảo hiểm	Điều 11
5. Chuyển đổi lựa chọn về quyền lợi bảo hiểm	Điều 12
6. Bỏ sung hoặc chấm dứt quyền lợi bảo hiểm tăng cường	Điều 13
III. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO ĐẦU TƯ	
Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng đối với Quỹ liên kết chung bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các công cụ khác theo quy định pháp luật. Mức lãi suất áp dụng để tính lãi vào Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ không thấp hơn lãi suất đầu tư tối thiểu được Công ty cam kết.	Điều 5.5 Điều 7.1

IV. CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Phí ban đầu: được khấu trừ từ Phí bảo hiểm đã đóng theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	từ năm thứ 7
% Phí bảo hiểm cơ bản	70%	50%	30%	10%	5%	2%	2%
% Phí bảo hiểm tăng cường	50%	40%	25%	10%	5%	5%	0%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Điều 9.1

2. Phí bảo hiểm rủi ro: được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro sẽ thay đổi tương ứng theo tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm khấu trừ.

Điều 9.2

3. Phí quản lý hợp đồng: ba mươi ngàn (30.000) đồng/tháng, và có thể được điều chỉnh nhưng sẽ không vượt quá năm mươi ngàn (50.000) đồng/tháng, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng.

Điều 9.3

4. Phí quản lý quỹ: không vượt quá 2.5%/năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng.

Điều 9.4

5. Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:

- Đối với tài khoản cơ bản: tính trên tỷ lệ phần trăm Phí bảo hiểm cơ bản Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	%Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu
Năm 1 đến năm 3	100%
Năm 4 đến năm 5	90%
6	50%
7	40%
8	30%
9	20%
10	10%
11+	0%

- Đối với tài khoản đóng thêm: 2% Giá trị tài khoản đóng thêm

Điều 9.5

6. Phí rút tiền từ giá trị tài khoản hợp đồng như sau:						Điều 9.6
Năm hợp đồng	1	2	3~5	6~10	Từ năm thứ 11	
% của số tiền rút từ Giá trị tài khoản cơ bản	Không áp dụng	Không áp dụng	2%	2%	0%	
% của số tiền rút từ Giá trị tài khoản đóng thêm	2%	2%	2%	0%	0%	
V. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM						
Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây: - Hành động tự tử trong vòng hai (2) năm kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, nếu có; hoặc - Nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch (HIV); bị hội chứng suy giảm miễn dịch (AIDS); hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS; ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV/AIDS trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc - Lỗi cố ý của chính bản thân Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng; hoặc - Người được bảo hiểm bị thi hành án tử hình;						Điều 6.1
VI. NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM						
1. Cung cấp, kê khai thông tin trung thực, đầy đủ và chính xác - Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp, kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Công ty đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ cung cấp, kê khai thông tin đầy đủ, trung thực, chính xác của Bên mua bảo hiểm. - Việc Bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến (i) Hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ và quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả, đồng thời Bên mua bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty (nếu có) hoặc (ii) Công ty chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (thu thêm phí bảo hiểm, và/hoặc điều chỉnh lại số tiền bảo hiểm, và/hoặc loại trừ trách nhiệm bảo hiểm).						Điều 19.2.1

2. Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo qui định trong Hợp đồng bảo hiểm.	Điều 8
3. Thông báo cho Công ty trong trường hợp thay đổi nghề nghiệp hoặc rời khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong thời gian từ 90 ngày liên tục trở lên.	Điều 19.2.4
4. Thông báo cho Công ty bất cứ thay đổi nào về loại giấy tờ tùy thân, số giấy tờ tùy thân, họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch, thông tin liên hệ.	Điều 19.2.5
5. Thông báo cho Công ty về Sự kiện bảo hiểm trong thời gian sớm nhất và nộp đơn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tới Công ty trong vòng 01 năm kể từ ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm.	Điều 16.1
VII. LƯU Ý KHÁC Để xem hoặc tải xuống bộ hợp đồng bảo hiểm điện tử, Quý khách vui lòng truy cập Cổng thông tin khách hàng của Công ty bằng cách nhấp vào đường dẫn trong tin nhắn phát hành hợp đồng hoặc trực tiếp qua đường link http://khachhang.fubonlife.com.vn .	